

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 6 – 2022

“V/v ly hôn giữa
Chị N và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Ông Lương Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Bích N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 52/36 C, hẻm 7, tổ 8, ấp M, thị trấn P, huyện C, tỉnh An Giang

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 2, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh An Giang

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Bích N trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Thông qua mai mối chị và anh T đồng ý tiến tới hôn nhân vào đầu năm 2013, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh An Giang. Chung sống được vài tháng phát sinh mâu thuẫn, khi chị đang mang thai con được khoảng 4 đến 5 tháng tuổi, anh T uống rượu vào kiếm chuyện đánh chị. Năm 2015 vợ chồng đến tỉnh Bình Dương làm công nhân, anh T làm hồ, thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu anh kiếm chuyện cự cãi

và đánh chị, tiền bạc làm được bao nhiêu anh T tiêu xài cá nhân. Vào những ngày lễ tết, vợ chồng về nhà cha mẹ chồng chơi, anh T uống rượu vào kiếm chuyện đánh chị trước mặt cha mẹ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm, có lần yêu cầu ly hôn nhưng cha mẹ hai bên hàn gắn nên vợ chồng tiếp tục chung sống. Đến 2019 vợ chồng đến Thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, ở gần bà ngoại và mẹ đẻ anh T không dám đánh chị. Nhưng anh vẫn chứng nào tật nấy, có lần trong khi chị đang ngồi nói chuyện với các anh chị em thì anh T vô cớ đánh chị chảy máu đầu.

Đến năm 2020, chị phát hiện anh T sử dụng ma túy đá trái phép (thấy các dụng cụ hít ma túy trong ngăn tủ của anh T), chị khuyên ngăn thì anh T hứa hẹn từ bỏ ma túy, chị bảo anh về quê làm để trách xa những người rủ rê anh sử dụng ma túy. Một thời gian sau, chị lại nghe cha ruột và chị chồng nói lại anh T ở quê vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Chị gọi điện thoại hỏi thì anh bảo không có sử dụng ma túy. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị đã làm đơn ly hôn và được Tòa án thụ lý theo số 287/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2020 nhưng anh T năn nỉ hàn gắn, nên chị rút đơn và Tòa án đình chỉ theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 341/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2020. Đến nay anh T không thay đổi nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

+ Về con chung: Có một con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 13/02/2014, hiện đang sống chung với anh T, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không

+ Về nợ phải thu, phải trả: Không.

Anh Trần Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị N về thời gian kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cự cãi thường xuyên về tiền bạc, thỉnh thoảng có uống rượu bia, có lần anh đánh N nhưng thời gian đã lâu nên không nhớ ngày tháng. Năm 2019 vì buồn chuyện tiền bạc và bạn bè rủ rê nên anh sử dụng ma túy. Có lần đánh N chảy máu đầu như N trình bày. Năm 2020 thì chị N phát hiện anh sử dụng ma túy. Chị N khuyên nhưng anh buồn chuyện tiền bạc, buồn chuyện N chơi số đề nên không từ bỏ được ma túy.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2022, anh T xác định vẫn còn sử dụng ma túy nhưng đã ngưng sử dụng được hơn một tuần. Anh Trần Văn T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

+ Về quan hệ con chung: Có một con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 13/12/2014, hiện đang sống chung với anh T, nếu ly hôn tùy nguyện vọng của con. Nếu cháu T muốn sống với chị N thì anh cũng đồng ý giao con cho chị N nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh T nuôi con thì không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- + Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về nợ phải thu, phải trả: Không

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt hai lần nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị N và anh T do mai mối thành vợ chồng, anh chị có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh T có hành vi bạo lực đối với chị N. Trong quá trình chung sống anh T lại sử dụng trái phép chất ma túy, chị N khuyên nhưng anh không thay đổi. Năm 2020 chị N yêu cầu ly hôn, Tòa án động viên hàn gắn để anh có cơ hội sửa đổi, tuy nhiên sau khi chị N rút đơn vợ chồng không hàn gắn được và ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nhiều lần chị N yêu cầu ly hôn nên đề nghị HĐXX cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 13/12/2014, hiện đang sống chung với anh T. Chị N yêu cầu nuôi con, anh T cho rằng cháu T muốn sống với ai thì anh cũng đồng ý. Mặc dù cháu T có nguyện vọng sống với cả cha lẫn mẹ, nhưng xét thấy anh T là người có hành vi bạo lực gia đình, mặt khác từ năm 2020 đến tháng 5/2022 anh đã nhiều lần sử dụng ma túy, chị N khuyên nhưng anh không từ bỏ. Để cháu T có môi trường phát triển lành mạnh và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu Trần Quốc T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Đặng Thị Bích N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Chị N và anh T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung; xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng sống được vài tháng phát sinh mâu thuẫn về việc anh T thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện cự cãi và đánh chị N. Chị N chơi cờ bạc nên anh T không tin tưởng chị. Mâu thuẫn anh chị kéo dài đến năm 2020 chị N phát hiện anh T sử dụng trái phép chất ma túy, chị khuyên anh T hứa hẹn nhưng vẫn không thay đổi đến tháng 5/2022 anh T vẫn còn sử dụng trái phép chất ma túy. Năm 2020, chị N đã yêu cầu ly hôn anh T năn nỉ hàn gắn nhưng vợ chồng không tiếp tục chung sống và ly thân từ năm 2020 đến nay. Anh T yêu cầu được hàn gắn nhưng nay chị N cương quyết ly hôn.

Xét thấy, thời gian ly thân anh chị kéo dài, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không còn tin tưởng nhau và anh T có hành vi bạo lực đối với chị N. Nên yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận chị Đặng Thị Bích N được ly hôn với anh Trần Văn T

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có một con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 13/12/2014, hiện đang sống chung với anh T, chị N yêu cầu được nuôi con chung. Cháu T có nguyện vọng sống chung với anh T. Xét thấy, anh T là người sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2020 đến tháng 5/2022, nhiều lần chị N khuyên nhưng anh vẫn không từ bỏ, mặt khác anh thường xuyên uống rượu, có hành vi bạo lực gia đình. Để cho cháu T có một môi trường phát triển lành mạnh cần giao cháu T cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu T sau khi ly hôn.

Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Không.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị N và anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chi Đặng Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Bích N được ly hôn với anh Trần Văn T

2. Về con chung: Giao con chung Trần Quốc T, sinh ngày 13/12/2014 cho chị Đặng Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và lao động được. Cháu T hiện nay đang sống với anh T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị N và anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đặng Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004349 ngày 23/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Rỡ